Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-10-27 13:35:43 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1989/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 460/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược nợ công đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công số 141/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Trung ương về Kế hoạch phát triển

kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số";

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 460/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược nợ công đến năm 2030.

1. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 1 như sau:

"a) Bám sát, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đề ra tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Trung ương và các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công giai đoạn 2026 - 2030. Công tác quản lý nợ công luôn bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, chỉ chi trong khả năng của nền kinh tế và chỉ vay trong khả năng trả nợ, vay nợ phải bảo đảm an ninh tài chính quốc gia. Nợ công tiếp tục là đòn bẩy cho phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực tăng trưởng bền vững. Trong huy động vốn, tiếp tục thực hiện nguyên tắc nguồn vay trong nước là cơ bản, quyết định, kết hợp chặt chẽ, hiệu quả với nguồn vay nước ngoài là quan trọng."

2. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 1 như sau:

"b) Giai đoạn 2026 - 2030

Kiểm soát bội chi ngân sách nhà nước theo mức được Quốc hội phê duyệt trong dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2026 - 2030; bảo đảm các chỉ tiêu an toàn nợ công trong giới hạn được Quốc hội phê duyệt, trong đó:

- Nợ công hằng năm không quá 60% GDP, nợ Chính phủ hằng năm không quá 50% GDP.

- Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ không quá 25% tổng thu ngân sách nhà nước.

- Nợ nước ngoài hằng năm của quốc gia không quá 50% GDP."

3. Sửa đổi điểm c, điểm d và điểm đ khoản 4 Điều 1 như sau:

"c) Thực hiện việc vay vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài gắn với khả năng trả nợ trong dài hạn; ưu tiên cho các dự án hạ tầng then chốt và các lĩnh vực có khả năng lan tỏa cao; lựa chọn nguồn vốn và điều kiện vay phù hợp, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn vay.

d) Quản lý chặt chẽ việc vay, trả nợ của chính quyền địa phương, bảo đảm trong hạn mức dư nợ theo quy định của pháp luật; bố trí trả nợ đầy đủ, đúng hạn và tăng cường chủ động quản lý rủi ro từ hoạt động vay của địa phương.

đ) Kiểm soát chặt chẽ nghĩa vụ nợ dự phòng, việc đảm bảo nguồn trả nợ được Chính phủ bảo lãnh; quản lý các khoản bảo lãnh, đảm bảo đúng quy định, hiệu quả trong phạm vi hạn mức bảo lãnh, tập trung ưu tiên nguồn vốn để bảo lãnh cho các chương trình, dự án trọng điểm quốc gia, được Quốc hội, Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư. Kiểm soát hạn mức bảo lãnh Chính phủ hằng năm trong phạm vi hạn mức bảo lãnh Chính phủ 5 năm đã được Quốc hội quyết định; tốc độ tăng dư nợ bảo lãnh Chính phủ và việc quyết định hạn mức trong trường hợp vượt tốc độ tăng tổng sản phẩm quốc nội của năm trước thực hiện theo khoản 4 Điều 24 Luật Quản lý nợ công. Lựa chọn một số công trình phát triển cơ sở hạ tầng có tính chất lan tỏa, có khả năng tạo nguồn thu trả nợ để Chính phủ cho vay lại từ nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài."

4. Bổ sung điểm b vào sau điểm a khoản 4 Điều 1 như sau:

"b) Tập trung đầu tư cho các Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án quan trọng quốc gia, các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, các chương trình, dự án theo Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV, các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa cao, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, tạo đột phá thu hút vốn đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, kéo dài."

5. Đổi ký hiệu các điểm b, c, d, đ và e hiện hành tại khoản 4 Điều 1 thành các điểm c, d, đ, e và g tương ứng.

6. Sửa đổi nội dung giai đoạn 2026 - 2030 tại điểm a khoản 5 Điều 1 như sau:

"- Giai đoạn 2026 - 2030:

+ Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Luật Quản lý nợ công đã được sửa đổi, bổ sung và các văn bản quy định chi tiết; tiếp tục rà soát, hoàn thiện khuôn

khổ pháp luật về quản lý nợ công, bảo đảm đồng bộ với pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật có liên quan;

+ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan tiếp tục nâng cao chất lượng thống kê, cơ sở dữ liệu về nợ nước ngoài tự vay, tự trả; tham khảo kinh nghiệm quốc tế, nghiên cứu xây dựng định hướng đổi mới khung chính sách quản lý nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh phù hợp với điều kiện kinh tế, bảo đảm an toàn nợ quốc gia, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định."

7. Sửa đổi ba gạch đầu dòng đầu tiên tại điểm b khoản 5 Điều 1 thành hai gạch đầu dòng như sau:

"- Quản lý nợ công thống nhất, chủ động, an toàn, bền vững. Chính phủ điều hành các chỉ tiêu rủi ro danh mục nợ Chính phủ theo thông lệ quốc tế và bối cảnh của Việt Nam. Đa dạng hóa việc huy động phù hợp với thị trường và yêu cầu huy động nguồn lực ngân sách nhà nước. Gắn kết chặt chẽ quản lý ngân sách nhà nước và nợ công với quản lý ngân quỹ nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các nguồn lực tài chính của Nhà nước, bảo đảm thanh khoản của Chính phủ tại mọi thời điểm.

- Chủ động điều hành linh hoạt về công cụ, hình thức, kỳ hạn, thời điểm và khối lượng vay trong năm, gắn với công tác quản lý ngân quỹ, giảm áp lực huy động vốn cho ngân sách nhà nước, đáp ứng nhu cầu huy động và dự phòng cho thời điểm thị trường không thuận lợi, bảo đảm an toàn nợ công và thanh khoản của thị trường trái phiếu Chính phủ."

8. Sửa đổi gạch đầu dòng đầu tiên tại điểm d khoản 5 Điều 1 như sau:

"- Phấn đấu đưa Việt Nam sớm trở thành quốc gia có xếp hạng tín nhiệm quốc gia ở mức Đầu tư; tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án Cải thiện xếp hạng tín nhiệm quốc gia tới năm 2030."

9. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ hai tại điểm a khoản 6 Điều 1 như sau:

"- Giai đoạn 2: xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch vay, trả nợ công hằng năm."

10. Bãi bỏ khoản 2 Điều 2.

11. Sửa số thứ tự khoản 3 và khoản 4 Điều 2 thành khoản 2 và khoản 3.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Văn Thắng